

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Năm 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mạng, địa chỉ trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

TÊN TRƯỜNG : TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

MÃ TRƯỜNG: TMA

Trường Đại học Thương mại (viết tắt: ĐHTM; tên tiếng Anh: Thuongmai University, tên viết tắt: TMU) là trường đại học công lập, trực thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được công nhận đạt Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; hoạt động theo cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học của các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo.

Giá trị cốt lõi: TRUYỀN THỐNG, TRÁCH NHIỆM VÀ SÁNG TẠO

Sứ mạng của Trường: Trường Đại học Thương mại là trường đại học công lập, tự chủ, đa ngành; có thế mạnh và uy tín cao trong đào tạo đại học, sau đại học; nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại hiện đại đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trường Đại học Thương mại có trụ sở chính tại *số 79 đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và Cơ sở Hà Nam, tại đường Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.*

Tổng diện tích: 83.708m².

Địa chỉ Cổng thông tin điện tử của Trường: www.tmu.edu.vn.

2. Quy mô đào tạo (Phụ lục 01)

3. Thông tin về tuyển sinh đại học chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2019, Trường tuyển sinh theo 2 phương thức:

(1) Xét tuyển thẳng những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và các đối tượng xét tuyển thẳng khác theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia theo từng tổ hợp bài thi/môn thi.

Năm 2020, ngoài 2 phương thức như năm 2019, Trường bổ sung thêm phương thức xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực đến ngày 04/09/2020 hoặc giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (bậc Trung học phổ thông) cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh

giới quốc gia với kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) năm 2020, theo quy định của Trường.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (theo kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

TT	Mã ngành	Tên ngành (Chuyên ngành)	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Chương trình đào tạo đại trà								
1	TM01	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	350	332	23.0	350	358	25.8
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	350	332	23.0	350	358	25.8
2	TM02	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	200	205	23.2	250	226	25.5
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	200	205	23.2	250	226	25.5
3	TM03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	200	155	23.0	150	143	25.4
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	200	155	23.0	150	143	25.4
4	TM04	Marketing (Marketing thương mại)	225	270	24.0	245	262	26.7
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	225	270	24.0	245	262	26.7
5	TM05	Marketing (Quản trị thương hiệu)	150	158	23.3	150	174	26.15
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	150	158	23.3	150	174	26.15
6	TM06	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	100	121	23.4	100	105	26.5
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	100	121	23.4	100	105	26.5
7	TM07	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	125	161	23.2	125	143	26.0
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	125	161	23.2	125	143	26.0
8	TM09	Kế toán (Kế toán công)	100	122	22.0	100	94	24.9
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	100	122	22.0	100	94	24.9
9	TM10	Kiểm toán (Kiểm toán)	100	134	22.3	100	107	25.7
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	100	134	22.3	100	107	25.7
10	TM11	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	200	204	23.5	200	201	26.3

TT	Mã ngành h	Tên ngành (Chuyên ngành)	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	200	204	23.5	200	201	26.3
11	TM12	Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)	100	113	23.7	100	109	26.3
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	100	113	23.7	100	109	26.3
12	TM13	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	275	253	22.2	275	267	25.15
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	275	253	22.2	275	267	25.15
13	TM14	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính – ngân hàng thương mại)	150	201	22.1	150	164	25.3
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	150	201	22.1	150	164	25.3
14	TM16	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	100	23	22.0	100	106	24.3
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇ (*)	150	201	22.1	100	106	24.3
15	TM17	Thương mại điện tử (Quản trị Thương mại điện tử)	200	283	23.0	220	230	26.25
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	200	283	23.0	220	230	26.25
16	TM18	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Thương mại)	250	269	22.9	250	251	25.4
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	250	269	22.9	250	251	25.4
17	TM19	Luật kinh tế (Luật kinh tế)	200	106	22.0	160	165	24.7
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	200	106	22.0	160	165	24.7
18	TM20	Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)	75	40	22.0	75	86	24.05
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₃	75	40	22.0	75	86	24.05
19	TM21	Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung thương mại)	100	155	23.1	100	108	25.9
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₄	100	155	23.1	100	108	25.9
20	TM22	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin)	150	119	22.0	150	159	25.25
		Tổ hợp xét tuyển A ₀₀ , A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	150	119	22.0	150	159	25.25

TT	Mã ngành	Tên ngành (Chuyên ngành)	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
21	TM23	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	250	255	22.5	250	271	25.55
		Tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D07	250	255	22.5	250	271	25.55
II. Chương trình đào tạo Chất lượng cao								
22	TM08	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	100	86	20.7	100	73	24.0
		Tổ hợp xét tuyển A01, D01, D07	100	86	20.7	100	73	24.0
23	TM15	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính – ngân hàng thương mại)	100	78	20.5	100	76	24.0
		Tổ hợp xét tuyển A01, D01, D07	100	78	20.5	100	76	24.0
III. Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù								
24	TM24	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	100	135	21.45	150	153	24.6
		Tổ hợp xét tuyển A01, D01, D07	100	135	21.45	150	153	24.6
25	TM25	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	100	124	20.80	100	106	24.25
		Tổ hợp xét tuyển A01, D01, D07	100	124	20.80	100	106	24.25
26	TM26	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin)	100	135	21.60	100	105	24.25
		Tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D07	100	135	21.60	100	105	24.25

(*) Tổ hợp xét tuyển D07 bắt đầu sử dụng từ năm 2020

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 83.708 m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 3.3 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1.558 chỗ, diện tích 11.808 m²

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	228	40333
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	2000

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	44	12450
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	88	10324
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	12	330
1.5	Số phòng học đa phương tiện	10	1109
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	69	4549
1.7	Phòng chức năng khác (Phòng hội thảo, bảo vệ luận án, luận văn ...)	10	9571
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	9399
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		5130
	Tổng cộng		54862

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành máy tính	- Máy vi tính: 300 bộ - Điều hòa nhiệt độ: 20 bộ - Máy chiếu: 10 chiếc - Bàn ghế máy vi tính: 300 bộ - Ổn áp Lioa : 20 chiếc	Khối ngành đào tạo III, Khối ngành đào tạo V, Khối ngành đào tạo VII
2	Phòng thực hành thị trường chứng khoán ảo	- Máy vi tính: 30bộ - Điều hòa nhiệt độ: 03 bộ - Điều hòa tổng: - Máy chiếu: 01 chiếc - Bàn ghế máy vi tính: 30 bộ - Ổn áp Lioa : 02 chiếc - Máy chủ: 01 - Phần mềm thực hành: 01	Khối ngành đào tạo III, Khối ngành đào tạo V, Khối ngành đào tạo VII
3	Phòng máy chủ	- Máy chủ IBM X3650 M1: 01 chiếc - Máy chủ IBM X3650 M4: 03 chiếc - Máy chủ HP ML 570 G3: 03 chiếc - Máy chủ HP ML 370 G3: 02 chiếc	Khối ngành đào tạo III, Khối ngành đào tạo V, Khối ngành đào tạo VII
4	Hệ thống điều hòa không khí và thông gió tại 100% giảng đường, phòng học		

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

(1) Tài liệu truyền thống (dạng in):

a) Tài liệu tham khảo:

Nhóm ngành	Số lượng
III	8900
V	1670
VII	5950

b) Báo - Tạp chí:

- Báo, Tạp chí (tiếng Việt): 97 loại

- Báo, Tạp chí (ngoại văn): 6 loại

c) Đề tài NCKH: 887 tên

d) Kỹ yếu Hội thảo khoa học: 307 cuốn

(2) Ebook và Cơ sở dữ liệu điện tử:

a) Tài liệu điện tử nội sinh:

- Luận án tiến sĩ & Luận văn thạc sĩ: 3131 (đĩa CD)

- Giáo trình: 56 tên

- Đề cương bài giảng, đề cương học phần: 1017 tài liệu

- Ngân hàng câu hỏi ôn tập: 405 tài liệu

- Tài liệu truy cập mở: 154 tài liệu

b) CSDL điện tử:

- 1570 đĩa CD (các CSDL Bussiness periodicals on disk, Business and Management Practices, Ecolit, Dissertation Abstracts)

- Quyền truy cập và sử dụng Ebook của NXB Proquest Ebook Central: 120 tên sách

- Quyền truy cập và sử dụng Ebook của NXB Igroup: 75 tên sách

- Quyền truy cập và sử dụng 4 CSDL của cục thông tin KH&CN QG:

STD - Tài liệu STD là cơ sở dữ liệu toàn văn về tài liệu KH&CN Việt Nam, do Cục KH&CN Việt Nam
Việt Nam Thông tin KH&CN Quốc gia xây dựng và cập nhật từ năm 1987.

KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu KQNC là cơ sở dữ liệu thư mục lớn nhất Việt Nam về các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. CSDL bao gồm hơn 11.000 mô tả thư mục và tóm tắt.

Proquest Central Proquest Central là bộ cơ sở dữ liệu lớn hơn cơ sở dữ liệu đa ngành, 19.000 tạp chí (hơn 13.000 tạp chí toàn văn), bao quát trên 160 lĩnh vực chủ đề khác nhau thuộc các ngành khoa học: Kinh tế - kinh doanh, Y học, Công nghệ, Khoa học xã hội...

CSDL Credo Reference Credo Reference là CSDL tra cứu, tham khảo trực tuyến đa ngành, đa lĩnh vực cho phép truy cập tới hơn 500 bộ dữ liệu toàn văn từ hơn 80 nhà xuất bản, trên 3 triệu đầu mục dữ liệu; 200.000 tệp âm thanh số

hóa; 40.000 tranh ảnh nghệ thuật, khoa học, y học; và 90.000 tập bản đồ về các địa danh, đặc điểm địa lý trên thế giới.

- Quyền truy cập vào CSDL của Trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội:

+ Thư viện số tài liệu nội sinh: luận văn, luận án, sách...(hơn 31.000 luận án, luận văn điện tử, 2000 kết quả nghiên cứu; tài liệu in: 114.000 tên sách; 400 tên tạp chí)

+ CSDL ScienceDirect: Là cơ sở dữ liệu điện tử toàn văn bao gồm các tài liệu toàn văn của 1.2 triệu bài tạp chí tạp chí được lựa chọn thông qua quá trình phản biện nghiêm ngặt thuộc 04 chủ đề lớn của 24 lĩnh vực khoa học của XNB Elsevier như: khoa học xã hội, quản lý và kế toán, kinh tế kinh doanh, khoa học máy tính....

+ Tạp chí Toán học MathSciNet: MathSciNet là một nhà xuất bản điện tử cho phép truy cập đến một cơ sở dữ liệu bao gồm các bài điểm sách, báo, các tóm tắt và thông tin thư mục cho rất nhiều các tài liệu Toán học chuyên ngành. Hơn 100.000 tài liệu mới được bổ sung hàng năm, hầu hết các tài liệu này đã được phân loại theo Hệ thống phân loại chuyên ngành toán. MathSciNet còn bao gồm hơn 3 triệu tài liệu và hơn 1,7 triệu liên kết trực tiếp tới các bài báo gốc. Dữ liệu thư mục cho các bài báo cũ được số hóa hồi cổ cho đến những năm 1800.

+ CSDL tạp chí & sách điện tử World Scientific: World Scientific được thành lập năm 1981 tại Singapore - là một trong những nhà xuất bản hàng đầu về thông tin khoa học trên thế giới và là nhà xuất bản quốc tế về khoa học lớn nhất trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. World Scientific xuất bản khoảng 600 tựa sách và 130 tạp chí mới mỗi năm thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhiều xuất bản phẩm của WSP được thông qua bởi các tổ chức nổi tiếng như Đại học Harvard, Viện Công nghệ California, Đại học Stanford và Đại học Princeton. Số lượng tài liệu là trên 8000 sách điện tử chủ đề đa ngành

+ Thư viện sách điện tử Bookboon: Bookboon là một trong những công ty xuất bản sách điện tử lớn trên thế giới. Bookboon cung cấp cho sinh viên những cuốn sách giáo khoa miễn phí được viết bởi các giáo sư từ các trường đại học hàng đầu thế giới, bao gồm nhiều đủ đề khác nhau.

- Quyền truy cập vào CSDL tạp chí điện tử của nhà xuất bản SAGE Publications Limited và Emerald Publishing Limited bao gồm 1122 tên tạp chí

- Quyền truy cập vào CSDL tài liệu nội sinh của Thư viện Đại học Hải Phòng và Thư viện Đại học Mở Hà Nội

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học (Phụ lục 02)

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học (Phụ lục 03)

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021

1. Tuyển sinh đại học chính quy trình độ đại học

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường.

Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp:

(2.1) Kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế (ACT, SAT) còn hiệu lực đến ngày xét tuyển hoặc giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (bậc Trung học phổ thông) cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia với kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2021, theo tổ hợp xét tuyển tương ứng với ngành (chuyên ngành) đăng ký xét tuyển, theo quy định của Trường (gọi tắt là *phương thức (2.1)*).

(2.2) Kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế (ACT, SAT) còn hiệu lực đến ngày xét tuyển hoặc giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (bậc Trung học phổ thông) cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia với kết quả học tập bậc Trung học phổ thông (THPT), theo quy định của Trường (gọi tắt là *phương thức (2.2)*).

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi TNTHPT năm 2021, theo từng tổ hợp bài thi/môn thi.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo (**Phụ lục 04**)

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển (*) 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi TNTHPT	Theo phương thức khác (**)	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
I. Chương trình đại trà													
1	Đại học	TM01	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	275	75	A00		A01		D01		D07	
2	Đại học	TM02	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	190	60	A00		A01		D01		D07	
3	Đại học	TM03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	115	15	A00		A01		D01		D07	
4	Đại học	TM04	Marketing (Marketing thương mại)	185	60	A00		A01		D01		D07	
5	Đại học	TM05	Marketing (Quản trị thương hiệu)	115	35	A00		A01		D01		D07	
6	Đại học	TM06	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	90	30	A00		A01		D01		D07	
7	Đại học	TM07	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	140	35	A00		A01		D01		D07	
8	Đại học	TM09	Kế toán (Kế toán công)	80	10	A00		A01		D01		D07	
9	Đại học	TM10	Kiểm toán (Kiểm toán)	85	15	A00		A01		D01		D07	
10	Đại học	TM11	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	145	45	A00		A01		D01		D07	
11	Đại học	TM12	Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)	85	25	A00		A01		D01		D07	
12	Đại học	TM13	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	245	30	A00		A01		D01		D07	
13	Đại học	TM14	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính – Ngân hàng thương mại)	180	20	A00		A01		D01		D07	
14	Đại học	TM16	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	85	15	A00		A01		D01		D07	
15	Đại học	TM17	Thương mại điện tử (Quản trị Thương mại điện tử)	190	30	A00		A01		D01		D07	
16	Đại học	TM18	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	185	65	A01		D01		D07			
17	Đại học	TM19	Luật kinh tế (Luật kinh tế)	135	15	A00		A01		D01		D07	
18	Đại học	TM20	Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)	65	10	A00		A01		D01		D03	
19	Đại học	TM21	Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung thương mại)	90	30	A00		A01		D01		D04	

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển (*) 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi TNTHPT	Theo phương thức khác (**)	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
20	Đại học	TM22	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin)	135	15	A00		A01		D01		D07	
21	Đại học	TM23	Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	220	30	A00		A01		D01		D07	
II. Chương trình chất lượng cao (***)													
1	Đại học	TM08	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp – chất lượng cao)	45	5	A01		D01		D07			
2	Đại học	TM15	Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại – chất lượng cao)	45	5	A01		D01		D07			
III. Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù													
1	Đại học	TM24	Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn – đào tạo theo cơ chế đặc thù)	115	35	A01		D01		D07			
2	Đại học	TM25	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành – đào tạo theo cơ chế đặc thù)	90	10	A01		D01		D07			
3	Đại học	TM26	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin – đào tạo theo cơ chế đặc thù)	90	10	A00		A01		D01		D07	

(*) Tổ hợp môn xét tuyển: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh); D03 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp); D04 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung); D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)

(**) Tổng chỉ tiêu phân bổ cho phương thức khác tối đa là 18% tổng chỉ tiêu tuyển sinh chung của Trường năm 2021, gồm: tối đa 3% cho phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (phương thức 1); 10% xét tuyển theo phương thức (2.1); 5% xét tuyển theo phương thức (2.2). Chỉ tiêu được phân bổ cho từng ngành (chuyên ngành)/chương trình đào tạo giao động từ 10% đến 25% chỉ tiêu của ngành (chuyên ngành)/chương trình đào tạo đó.

- Chỉ tiêu tuyển sinh theo các phương thức khác của từng ngành (chuyên ngành)/chương trình đào tạo có thể được điều chuyển lẫn nhau khi một trong các phương thức khác không tuyển đủ chỉ tiêu.

- Nếu xét tuyển theo phương thức khác không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét theo kết quả thi TNTHPT năm 2021;

(***) Chỉ tiêu tuyển sinh các chương trình chất lượng cao được phân bổ như sau: 90% xét tuyển trực tiếp theo kết quả đăng ký của thí sinh, 10% chỉ tiêu xét tuyển thí sinh đã trúng tuyển vào Trường có nguyện vọng đăng ký vào học chương trình chất lượng cao.

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

1.5.1. Điều kiện chung nhận đăng ký xét tuyển

Thí sinh thỏa mãn các điều kiện sau đây được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào Trường Đại học Thương mại:

(1) Tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) Dự thi THPT năm 2021; không có bài thi/môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 (một) điểm trở xuống; đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào áp dụng đối với từng phương thức xét tuyển, theo quy định của Trường;

(3) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

(4) Ngoài quy định trên:

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh (TM18) phải đạt kết quả thi THPT năm 2021 môn tiếng Anh từ 6,5 điểm trở lên;

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo chất lượng cao (TM08, TM15) phải đạt kết quả thi THPT năm 2021 môn tiếng Anh từ 6,0 điểm trở lên;

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù ngành Quản trị khách sạn (TM24) và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (TM25) phải đạt kết quả thi THPT năm 2021 môn tiếng Anh từ 5,5 điểm trở lên;

- *Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp vào các ngành có điều kiện điểm bài thi môn tiếng Anh, được thay thế điều kiện điểm bài thi môn Tiếng Anh bằng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế môn Tiếng Anh còn hiệu lực đến ngày xét tuyển hoặc giải môn Tiếng Anh trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có). Điểm bài thi môn Tiếng Anh chỉ được sử dụng khi tính tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp D01/ D07/ A01*

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi ngoại ngữ và điểm thi các môn thi được bảo lưu theo Quy chế thi THPT trong việc xét tuyển vào đại học chính quy năm 2021.

1.5.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển và nguyên tắc xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển

1.5.2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường (Quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được Trường ban hành ngay sau khi Bộ GD&ĐT ban hành *Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non* năm 2021, được đăng tải theo link:

<https://tmu.edu.vn/vi/news/Dao-tao-Chinh-quy/quy-dinh-xet-tuyen-thang-uu-tien-xet-tuyen-2021-2043.html>)

1.5.2.2. Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp

a. Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh được đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp vào các ngành (chuyên ngành) phù hợp của Trường Đại học Thương mại khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

(1). Thỏa mãn các điều kiện quy định tại mục 1.5.1 Đề án này;

(2). Tốt nghiệp THPT năm 2021 (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức (2.2))

(3). Có chứng chỉ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế còn hiệu lực đến ngày xét tuyển hoặc đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba (bậc Trung học phổ thông) trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, có kết quả như sau:

<i>Loại chứng chỉ/ Giải học sinh giỏi</i>	<i>Điều kiện nhận ĐKXT</i>	<i>Ngành(chuyên ngành) được đăng ký xét tuyển</i>
- IELTS Academic	Từ 5.5 trở lên	Tất cả các ngành (chuyên ngành)/ chương trình đào tạo
- Cambridge	Từ FCE trở lên	
- TOEFL iBT	Từ 60 điểm trở lên	
- SAT	Từ 1000 điểm trở lên	
- ACT	Từ 22 điểm trở lên	
- DELF	Từ B2 trở lên	Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)
- TCF	Từ 400 điểm trở lên	Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung thương mại)
- HSK	Từ cấp độ 4 trở lên	Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung thương mại)
- Môn Toán	Giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (bậc Trung học phổ thông) cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương hoặc giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Tất cả các ngành/chuyên ngành/ chương trình đào tạo
- Môn Vật Lý		
- Môn Hóa học		
- Môn Ngữ văn		
- Môn Tiếng Anh		Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị hệ thống thông tin)
- Môn Tin học		Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)
- Môn Tiếng Pháp		Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung thương mại)
- Môn Tiếng Trung		Quản trị kinh doanh (Tiếng Trung thương mại)

(4). Đăng ký xét tuyển theo một trong các tổ hợp xét tuyển Nhà trường sử dụng để xét tuyển ngành (chuyên ngành)/chương trình đào tạo mà thí sinh đăng ký xét tuyển và phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, cụ thể như sau:

- Phương thức xét tuyển (2.1): đạt tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp đăng ký xét tuyển vào Trường, năm 2021 từ **18 điểm trở lên** (bao gồm tổng điểm 3 bài thi/môn thi TNTHPT năm 2021 và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực tuyển sinh theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể: mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 điểm, giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 điểm, theo thang điểm 10, không nhân hệ số).

Lưu ý: Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực đến ngày xét tuyển, nếu đăng ký xét tuyển kết hợp theo phương thức (2.1), sử dụng một trong các tổ hợp xét tuyển D01, D03, D04, D07, A01 phải đăng ký dự thi môn ngoại ngữ tương ứng trong kỳ thi TNTHPT năm 2021.

- Phương thức xét tuyển (2.2), thí sinh phải đạt đồng thời các điều kiện sau:

+ Điểm trung bình chung học tập (cả năm) từng năm lớp 10,11,12 đạt từ 7,0 trở lên (trong đó điểm trung bình học tập (cả năm) từng môn trong tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 7.0 trở lên).

+ Điểm trung bình cộng học tập 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của từng năm 10, 11, 12 phải đạt từ 7.5 trở lên

Trong đó, Điểm trung bình cộng học tập 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của từng năm được xác định:

$$\text{Điểm trung bình cộng học tập 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của lớp 10 (11,12)} = \frac{\text{Điểm trung bình học tập cả năm lớp 10 (11,12) môn 1} + \text{Điểm trung bình học tập cả năm lớp 10 (11,12) môn 2} + \text{Điểm trung bình học tập cả năm lớp 10 (11,12) môn 3}}{3}$$

(5). Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển tối đa 3 nguyện vọng cho mỗi phương thức xét tuyển kết hợp.

b. Nguyên tắc xét tuyển

(1) Trường xét tuyển dựa trên *kết quả/điểm* chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế *hoặc giải học sinh giỏi* theo mức độ ưu tiên từ cao đến thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu. Thí sinh trúng tuyển vào từng ngành (chuyên ngành)/chương trình đào tạo là những thí sinh đạt *kết quả/điểm* chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế hoặc giải học sinh giỏi tại mức độ ưu tiên nhất định, theo quy định của Trường.

Mức độ ưu tiên của *kết quả/điểm* chứng chỉ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/chứng chỉ khảo thí quốc tế, giải học sinh giỏi được xác định như sau:

Bảng xác định mức độ ưu tiên của kết quả/điểm chứng chỉ quốc tế, giải học sinh giỏi

Loại chứng chỉ/Loại giải	Mức độ ưu tiên 1	Mức độ ưu tiên 2	Mức độ ưu tiên 3	Mức độ ưu tiên 4	Mức độ ưu tiên 5
- HSK	Cấp độ 6	Cấp độ 5		Cấp độ 4	
- TCF	Từ 500 trở lên	450		400	
- DELF	Từ C1 trở lên		B2		
- IELTS Academic	Từ 7.0 trở lên	6.5	6.0	5.5	
- Cambridge	CAE		FCE		
- TOEFL iBT	Từ 94 trở lên	80-93	73-79	60-72	
- SAT	Từ 1500 trở lên	1400 - 1490	1200-1390	1000-1190	
- ACT	Từ 31 trở lên	28-30	25-27	22-24	
- HSG cấp quốc gia		Giải Khuyến khích			
- HSG cấp Tỉnh/Thành phố			Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba

(2) Trong trường hợp tại mức ưu tiên nhất định, số lượng thí sinh trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu được tuyển, Trường sử dụng tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp xét tuyển để xét tuyển từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Trong đó:

- Nếu xét tuyển theo phương thức (2.1)

$$\begin{array}{l} \text{Tổng điểm} \\ \text{xét tuyển theo} \\ \text{tổ hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng điểm 3 bài} \\ \text{thi/môn thi trong tổ} \\ \text{hợp xét tuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm ưu tiên} \\ \text{theo khu vực} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm ưu tiên theo} \\ \text{đối tượng} \end{array}$$

- Nếu xét tuyển theo phương thức (2.2)

$$\begin{array}{l} \text{Tổng điểm xét} \\ \text{tuyển theo tổ} \\ \text{hợp xét tuyển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng điểm 3 môn} \\ \text{trong tổ hợp xét tuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm ưu tiên} \\ \text{theo khu vực} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm ưu tiên theo} \\ \text{đối tượng} \end{array}$$

+ Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển được xác định:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng điểm 3} \\ \text{môn trong tổ} \\ \text{hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cộng 3 năm môn 1} \\ \text{trong tổ hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cộng 3 năm môn 2} \\ \text{trong tổ hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cộng 3 năm môn 3} \\ \text{trong tổ hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array}$$

+ Điểm trung bình cộng 3 năm môn i trong tổ hợp xét tuyển được xác định:

$$\begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cộng 3 năm môn i} \\ \text{trong tổ hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cả năm lớp 10} \\ \text{môn i} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cả năm lớp 11} \\ \text{môn i} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm trung bình} \\ \text{cả năm lớp 12} \\ \text{môn i} \end{array}}{3}$$

(3) Sau khi xét tuyển theo tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp xét tuyển, nếu số thí sinh trúng tuyển vẫn còn cao hơn so với chỉ tiêu, Trường sẽ ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong trường hợp thí sinh đăng ký xét tuyển theo cả hai phương thức (2.1) và (2.2), Trường sẽ ưu tiên xét tuyển theo phương thức (2.1) trước. Nếu thí sinh đã trúng tuyển vào ngành (chuyên ngành)/chương trình đào tạo theo phương thức xét tuyển (2.1) sẽ dừng xét tuyển theo phương thức (2.2).

1.5.2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi TNTHPT năm 2021 theo từng tổ hợp bài thi/môn thi

a. Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau được đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi TNTHPT vào các ngành (chuyên ngành) phù hợp của Trường:

(1) Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo tổ hợp đăng ký xét tuyển năm 2021 là **18 điểm** (bao gồm tổng điểm 3 bài thi/môn thi TNTHPT năm 2021 và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực)

(2) Thỏa mãn các điều kiện quy định tại mục 1.5.1 Đề án này;

b. Nguyên tắc xét tuyển

(1) Trường xét tuyển theo quy định tại *Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non*, năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường;

(2) Thí sinh trúng tuyển là những thí sinh đạt mức điểm xét tuyển theo quy định của Trường theo từng tổ hợp môn xét tuyển và theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo, theo nguyên tắc lấy tổng điểm xét tuyển theo tổ hợp xét tuyển từ điểm cao đến thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng điểm} \\ \text{xét tuyển theo} \\ \text{tổ hợp xét} \\ \text{tuyển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng điểm 3 bài} \\ \text{thi/môn thi trong tổ} \\ \text{hợp xét tuyển} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm ưu tiên} \\ \text{theo khu vực} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Điểm ưu tiên theo} \\ \text{đối tượng} \end{array}$$

(3) Trong trường hợp tại mức điểm xét tuyển nhất định, số lượng thí sinh trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu được tuyển, Trường sử dụng các tiêu chí phụ để xét tuyển.

Tiêu chí phụ như sau:

Ngành /chương trình đào tạo	Tiêu chí phụ
1. Ngôn ngữ Anh và các chương trình chất lượng cao	Điểm bài thi môn Tiếng Anh
2. Các ngành còn lại của chương trình đại trà, chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù	
2.1 - Xét theo tổ hợp A ₀₀ ,A ₀₁ , D ₀₁ , D ₀₇	Điểm bài thi môn Toán
2.2 - Xét theo tổ hợp D ₀₃	Điểm bài thi môn Tiếng Pháp
2.3- Xét theo tổ hợp D ₀₄	Điểm bài thi môn Tiếng Trung

Nguyên tắc xét tuyển theo tiêu chí phụ:

Sau khi sử dụng tiêu chí phụ, nếu số thí sinh trúng tuyển vẫn còn cao hơn so với chỉ tiêu, Trường sẽ ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Trường

Không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển theo cùng một phương thức xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Tổ chức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

Hồ sơ đăng ký xét tuyển; thời gian, hình thức nhận ĐKXT, công bố kết quả xét tuyển được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường (Quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được Trường ban hành ngay sau khi Bộ GD&ĐT ban hành *Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non* năm 2021, được đăng tải theo link:

<https://tmu.edu.vn/vi/news/Dao-tao-Chinh-quy/quy-dinh-xet-tuyen-thang-uu-tien-xet-tuyen-2021-2043.html>)

1.7.2. Tổ chức xét tuyển kết hợp

1.7.2.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển, gồm:

- a) Phiếu đăng ký xét tuyển kết hợp;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực đến thời điểm xét tuyển;

c) Hai phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

d) Bản sao hộ khẩu thường trú (đối với thí sinh thuộc đối tượng được cộng điểm ưu tiên khu vực); chứng nhận đối tượng ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành (nếu có)

e) Bản sao Chứng nhận kết quả thi TNTHPT 2021

f) Bản sao Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân

g) Bản sao Học bạ THPT (đối với thí sinh thuộc đối tượng được cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng hoặc thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển (2.2))

h) Lệ phí xét tuyển kết hợp là 25.000đ /nguyên vọng/thí sinh,

Thí sinh nộp bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin sau:

- Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Thương mại

- Số TK: 21510001866884 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Cầu Giấy

- Thí sinh nộp Biên lai (xác nhận chuyển tiền) cùng hồ sơ.

Lưu ý: Bản sao là bản photocopy có xác nhận “sao y bản chính” của cơ quan có thẩm quyền

1.7.2.2. Đăng ký xét tuyển

- Thí sinh truy cập trang <http://xettuyenkethop.tmu.edu.vn/> và thực hiện theo hướng dẫn tại link: http://xettuyenkethop.tmu.edu.vn/HDS_D_XetTuyenKetHop.pdf để đăng ký xét tuyển;

- Thí sinh được đăng ký bổ sung/sửa chữa thông tin đăng ký trong suốt thời gian hệ thống mở đăng ký xét tuyển. Kết thúc thời gian đăng ký, hệ thống sẽ đóng, thông tin thí sinh khai báo/đăng ký lần cuối cùng trên hệ thống là thông tin được Trường sử dụng để xét tuyển.

Lưu ý:

- Sau khi hoàn tất việc khai báo thông tin/đăng ký (lần cuối cùng), thí sinh phải in Phiếu đăng ký xét tuyển, ký xác nhận, chụp (hoặc scan) Phiếu đăng ký xét tuyển, nộp cùng hồ sơ xét tuyển theo đúng hướng dẫn.

- Nếu thông tin trên Phiếu đăng ký xét tuyển, hồ sơ minh chứng của thí sinh và thông tin thí sinh đã khai trên hệ thống có sai lệch, hồ sơ của thí sinh coi như không hợp lệ (không được xét tuyển).

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển bản cứng sẽ nộp khi thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học tại trường.

1.7.2.3. Công bố kết quả xét tuyển

Thực hiện theo quy định và kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường. Trường sẽ có Thông báo cụ thể và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường: www.tmu.edu.vn ngay sau khi Bộ ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2021.

1.7.3. Tổ chức xét tuyển dựa trên kết quả thi TNTHPT năm 2021

Thời gian, hình thức nhận ĐKXT theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.8. Chính sách ưu tiên

Trường thực hiện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường (Quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được Trường ban hành ngay sau khi Bộ GD&ĐT ban hành *Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non* năm 2021, được đăng tải theo link:

<https://tmu.edu.vn/vi/news/Dao-tao-Chinh-quy/quy-dinh-xet-tuyen-thang-uu-tien-xet-tuyen-2021-2043.html>)

1.9. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển kết hợp: 25.000đ/nguyên vọng/thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

- Học phí dự kiến năm học 2021 – 2022 các chương trình đào tạo như sau:

+ Chương trình đại trà: **từ 15.750.000đ đến 17.325.000đ**/1 năm/người học

+ Chương trình đào tạo chất lượng cao: **từ 30.450.000đ đến 33.495.000đ**/1 năm/người học

+ Chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù: **từ 18.900.000đ đến 20.790.000đ** /năm/người học

- Mức tăng học phí từng năm so với năm học trước liền kề: tối đa 10%.

1.11. Các nội dung khác

1.11.1. Chính sách ưu đãi trong tuyển sinh:

Trường dành từ 4 (bốn) tỷ đồng đến 5 (năm) tỷ đồng để cấp học bổng cho các thí sinh trúng tuyển.

Quỹ học bổng được phân bổ theo tỷ lệ số thí sinh trúng tuyển và nhập học thực tế theo từng phương thức xét tuyển trên tổng số thí sinh trúng tuyển và nhập học, nhưng không vượt quá 10% đối với phương thức (2.1) và 5% đối với phương thức (2.2).

Các thí sinh có tổng điểm 3 bài thi/môn thi/môn xét tuyển theo tổ hợp xét tuyển (không tính điểm ưu tiên) từ 23,00 điểm trở lên (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT)/ từ 21,00 điểm trở lên (đối với phương thức (2.1)/ từ 24 điểm trở lên (đối với phương thức (2.2)); đồng thời, thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức xét tuyển kết hợp phải đạt từ mức ưu tiên 2 trở lên, được xét cấp học bổng theo các mức 100%, 75%, 50% so với học phí năm thứ nhất của chương trình đại trà, theo nguyên tắc từ cao đến thấp (tương tự nguyên tắc xét tuyển áp dụng với từng phương thức xét tuyển) đến hết quỹ học bổng dành cho sinh viên năm thứ nhất.

Ngoài ra, những thí sinh trên được ưu tiên tuyển chọn đi học các chương trình du học nước ngoài theo học bổng của chính phủ Việt Nam, các chương trình đào tạo chất lượng cao và các chương trình liên kết với nước ngoài để có thể nhận 2 bằng tốt nghiệp đại học (01 do trường Đại học Thương mại cấp và 01 do trường đại học nước ngoài cấp).

1.11.2. Chính sách miễn, giảm học phí:

Nhà trường thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà nước;

1.11.3. Chính sách học bổng khuyến khích học tập:

Năm học 2021 - 2022, Nhà trường hình thành Quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ sinh viên trị giá từ 23 - 24 tỷ đồng để cấp học bổng và hỗ trợ cho các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện (dựa trên kết quả học tập và rèn luyện của năm học trước liền kề). Có 3 mức học bổng khuyến khích học tập: 100%, 75% và 50% so với mức học phí của chương trình đại trà.

1.11.4. Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại Trường (theo Thông báo tuyển sinh riêng, thí sinh truy cập <http://dtqt.tmu.edu.vn/> để biết thông tin chi tiết)

TT	Tên ngành	Chuyên ngành	Tên đối tác liên kết	Nước đối tác liên kết
1	Kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ĐH IMC-Krems	Cộng hòa Áo
2	Thương mại và phân phối	Quản trị marketing và phân phối	ĐH Rouen Normandie	Cộng hòa Pháp
3	Bảo hiểm – Ngân hàng – Tài chính: Quan hệ khách hàng	Thương mại sản phẩm ngân hàng và dịch vụ tài chính	ĐH Rouen Normandie	Cộng hòa Pháp
4	Thương mại sản phẩm và dịch vụ	Bán hàng	ĐH Jean Moulin Lyon 3	Cộng hòa Pháp
5	Quản trị tổ chức	Quản trị doanh nghiệp phân phối trong mạng lưới logistics	ĐH Paris II	Cộng hòa Pháp
6	Bảo hiểm – Ngân hàng – Tài chính	Quan hệ khách hàng	ĐH Toulon	Cộng hòa Pháp
7	Quản trị du lịch và dịch vụ giải trí	Phát triển du lịch sáng tạo và bền vững	ĐH Toulon	Cộng hòa Pháp
8	Khởi nghiệp	Thành lập doanh nghiệp	ĐH Toulon	Cộng hòa Pháp
9	Thương mại điện tử và Marketing số	Thương mại điện tử và marketing số	ĐH Toulon	Cộng hòa Pháp
10	Quản trị tổ chức	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH Toulon	Cộng hòa Pháp
11	Thương mại quốc tế (*)	Thương mại quốc tế	ĐH Rouen Normandie	Cộng hòa Pháp
12	Thương mại quốc tế/ Quản trị du lịch (*)	Thương mại quốc tế/ Quản trị du lịch	ĐH Dân tộc Quảng Tây/ ĐH Công nghệ Hoa Nam	Trung Quốc

(*) Chương trình dự kiến tuyển sinh trong năm học 2021-2022

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

a. Tên doanh nghiệp hợp tác

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo nguồn nhân lực Công nghệ thông tin
1.	Sunrise Premium Resort Hội An – Quảng Nam	FPT SOFTWARE
2.	Lăng Cô Beach Resort – Thừa Thiên Huế	Công ty CP Phần mềm BRAVO
3.	Khách sạn Crowne Plaza West Hanoi	Công ty CP CODEGYM Việt Nam
4.	Công ty CP Hanoi Lake View	Công ty CP Phần mềm quản trị DN
5.	Khách sạn Sheraton Hanoi	Công ty CP Phần mềm MELIASOFT
6.	Công ty CP Mặt trời Việt Nam (SunVina Travel)	Học viện đào tạo IT PLUS
7.	Khách sạn Melia Hanoi	Công ty TNHH Cung Tên Việt
8.	Công ty CP Đầu tư Du lịch Mở Việt Nam (Open Tour)	Công ty CP Phần mềm ASIASOFT
9.	Công ty CP Đầu tư Du lịch Hà Nội (Hanoi Tourism)	Công ty CP Phần mềm GREENEFECT
10.	Khách sạn Daewoo Hanoi	Công ty CP OneSoft Việt Nam
11.	Công ty ALMA	Công ty TNHH Tester Việt
12.	Khách sạn Intercontinental Hanoi West Lake	Công ty cổ phần xuất khẩu phần mềm Tinh Vân
13.	Tập đoàn khách sạn A25	Cty CP công nghệ Maxbuy Việt Nam
14.	Khách sạn Nikko Hanoi (cũ – nay là Hotel Du Parc)	Công ty CP Sapo
15.	Tập đoàn VinPearl	Đại Việt Group
16.	SunWorld Bà Nà Hills	IIG Việt Nam
17.	SunWorld Legend Fansipan	Công ty CP iBPO
18.	SunWorld Hạ Long	
19.	Khách sạn Lotte Hanoi	

b. Nội dung hợp tác

Trường Đại học Thương mại luôn xác định việc hợp tác giữa Nhà trường và các doanh nghiệp trong đào tạo là một điều kiện cơ bản trong quá trình xây dựng và triển khai chương trình đào tạo ưu tiên các ngành thuộc lĩnh vực du lịch/công nghệ thông tin. Theo đó, các doanh nghiệp hợp tác luôn là một bộ phận chính yếu tham gia vào tất cả các hoạt động đào tạo của Trường, bao gồm: xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo; giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả đào tạo; sử dụng sản phẩm đào tạo; hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ..., cụ thể:

- Tư vấn cho Trường xây dựng và ban hành chương trình đào tạo phù hợp;

- Phối hợp tổ chức đào tạo, hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp các nội dung về đào tạo định hướng, các chủ đề gắn với thực tiễn, các nội dung về thực hành, kỹ năng nghề,...

- Phối hợp xây dựng nguồn học liệu dùng chung, đặc biệt là nguồn học liệu điện tử: sử dụng nguồn học liệu từ thư viện của Trường, dữ liệu thực tiễn ngành nghề từ Tổng cục Du lịch, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, các đơn vị đối tác,...

- Tổ chức công nhận học phần/ tín chỉ mà người học tích lũy được từ các chương trình đào tạo ở các trình độ, các khóa đào tạo cấp chứng chỉ về nghiệp vụ (nếu có) tương đương với một số môn học, tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học thông qua quy trình đánh giá và công nhận tín chỉ của các cơ sở đào tạo;

- Tham gia các hoạt động khác cùng cơ sở đào tạo;

Ngoài các hoạt động trên, các doanh nghiệp có thể đóng góp vào quá trình đào tạo sinh viên thông qua các hoạt động như: đóng góp vào quỹ khuyến học, tham gia các hoạt động của nhóm các doanh nghiệp/tổ chức hợp tác với Trường, cùng Trường đánh giá sinh viên...;

- Tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực - sinh viên tốt nghiệp của Trường;

- Hợp tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu.

c. Trách nhiệm của mỗi bên

(1) Trách nhiệm của Trường Đại học Thương mại

- Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo;

- Ký thỏa thuận hợp tác, ký hợp đồng thực hiện đào tạo;

- Tham gia quản lý sinh viên trong thời gian sinh viên học tập tại doanh nghiệp;

- Thanh toán chi phí đào tạo cho doanh nghiệp (nếu có) và thực hiện các nội dung hợp tác theo đúng thỏa thuận hợp tác;

- Quảng bá hình ảnh cho doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động truyền thông, thông tin đến sinh viên hoặc giới thiệu sinh viên vào làm việc, thực tập tại doanh nghiệp,...

(2) Trách nhiệm của các đơn vị đối tác

- Tạo môi trường học tập, thực hành thuận lợi nhất cho sinh viên;

- Quản lý và đánh giá sinh viên trong quá trình đào tạo/học tập tại doanh nghiệp;

- Thực hiện các nội dung hợp tác theo đúng cam kết.

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

Nội dung	Đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch	Đào tạo nguồn nhân lực Công nghệ thông tin
1. Tổng số GV cơ hữu quy đổi	54	27
2. Tổng số GV thỉnh giảng quy đổi	12.6	6.8
3. Tổng số chỉ tiêu theo quy định chung	380	150
4. Tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy	250	100

Nội dung	Đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch	Đào tạo nguồn nhân lực Công nghệ thông tin
định đặc thù		

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất – Phụ lục 05)

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: **420 tỷ đồng**
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm (2020): **từ 16 – 17 triệu đồng**

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh

- Xét theo kết quả học tập ghi trên học bạ/bảng điểm tốt nghiệp Trung học phổ thông, với tổ hợp xét tuyển: Toán, Vật lý, Hóa học.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340101	Quản trị kinh doanh	50	Số 18A/QĐ-ĐHTM	11/01/2017	Trường ĐHTM	1993
2	7340301	Kế toán	50	Số 18A/QĐ-ĐHTM	11/01/2017	Trường ĐHTM	1993

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

2.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh phải có điểm Trung bình cộng học tập 3 năm lớp 10, 11, 12 của từng môn Toán, Vật lý, Hóa học (được ghi trên học bạ) $\geq 5,0$

2.5.2. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh thỏa mãn các điều kiện sau đây được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào hệ vừa làm vừa học Trường Đại học Thương mại:

a) Tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT hoặc trung cấp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường (*tại mục 2.5.1*);

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo qui định hiện hành;

c) Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Không bị tước quyền dự xét tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học nhưng chưa đủ thời hạn quy định tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự xét;

e) Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ phải được Thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

2.6. Các thông tin cần thiết

Nguyên tắc xét tuyển: Trường xét tuyển theo nguyên tắc lấy tổng điểm xét tuyển từ cao đến thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

Tổng điểm xét tuyển được xác định:

Tổng điểm xét tuyển	=	Điểm trung bình cộng lớp 10, 11,12 môn Toán	+	Điểm trung bình cộng lớp 10, 11,12 môn Vật lý	+	Điểm trung bình cộng lớp 10, 11,12 môn Hóa học	+	Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy chế tuyển sinh năm 2021
---------------------	---	---	---	---	---	--	---	--

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Tuyển sinh ít nhất 02 đợt/năm (theo Thông báo tuyển sinh từng đợt).

2.8. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển vào học đại học theo hình thức VLVH nếu đã có bằng tốt nghiệp đại học, có nguyện vọng học đại học ngành học khác theo hình thức VLVH của Trường Đại học Thương mại (chi tiết theo Thông báo tuyển sinh từng đợt).

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Theo quy định của Trường – thông báo cụ thể theo từng đợt tuyển sinh.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Mức thu học phí hàng năm do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở quy định của Nhà nước. Mức thu học phí của các năm sau tăng tối đa 10% so với năm học trước liền kề.

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành); không

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

- Theo Thông báo tuyển sinh từng đợt.

3. Tuyển sinh đào tạo cấp bằng đại học thứ hai trình độ đại học các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

3.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học

3.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập toàn khóa (điểm trung bình chung học tập) đại học.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7340101	Quản trị kinh doanh	0	50	Số 1188/QĐ-ĐHTM	31/12/2016	Trường ĐHTM	1994
2	7340301	Kế toán	0	50	Số 1188/QĐ-ĐHTM	31/12/2016	Trường ĐHTM	1992

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh thỏa mãn các điều kiện sau đây được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào học để được cấp bằng đại học thứ hai hệ vừa làm vừa học của Trường Đại học Thương mại:

- Tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp đại học;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo qui định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ phải được Thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

Nguyên tắc xét tuyển: Trường xét tuyển theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ điểm cao đến thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

Điểm xét tuyển = Điểm trung bình chung học tập đại học

3.7. Tổ chức tuyển sinh:

Tuyển sinh ít nhất 02 đợt/năm (Theo thông báo Tuyển sinh từng đợt).

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định của Trường – thông báo cụ thể theo từng đợt tuyển sinh.

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Mức thu học phí hàng năm do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở quy định của Nhà nước. Mức thu học phí của các năm sau tăng tối đa 10% so với năm học trước liền kề.

3.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không

4. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học: không

5. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

5.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng.

5.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

5.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập toàn khóa (điểm trung bình chung học tập) trung cấp/cao đẳng.

5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	0	100	Số 2708/QĐ-BGDĐT	05/07/2010	Bộ GD&ĐT	2010
2	Đại học	7340301	Kế toán	0	150	Số 2708/QĐ-BGDĐT	05/07/2010	Bộ GD&ĐT	2010
3	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	0	50	Số 18A/QĐ-ĐHTM	11/01/2017	Trường ĐHTM	2017

5.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh thỏa mãn các điều kiện sau đây được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào hệ liên thông vừa làm vừa học từ trung cấp, cao đẳng lên đại học của Trường Đại học Thương mại:

a) Tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng (chi tiết theo Thông báo tuyển sinh từng đợt);

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo qui định hiện hành;

c) Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ phải được Thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

5.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

Nguyên tắc xét tuyển: Trường xét tuyển theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ điểm cao đến thấp cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

Điểm xét tuyển = Điểm trung bình chung học tập trung cấp/cao đẳng

5.7. Tổ chức tuyển sinh:

Tuyển sinh ít nhất 02 đợt/năm (Theo thông báo Tuyển sinh từng đợt).

5.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định của Trường – thông báo cụ thể theo từng đợt tuyển sinh.

5.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Mức thu học phí hàng năm do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở quy định của Nhà nước. Mức thu học phí của các năm sau tăng tối đa 10% so với năm học trước liền kề.

5.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không

Ngày 14 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Hoàng